TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56 /2019/DS-PT
Ngày 31-5-2019
V/v:"Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình trên đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn long**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*:** Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tháo dỡ công trình trên đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 421/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Lê Tấn C** và bà **Lê Thị P**

Cùng địa chỉ: 407 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum.Có mặt.

**** Bị đơn***: Ông **Đỗ Xuân K**

Địa chỉ: 413 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông **Đỗ Anh D**

Địa chỉ: 489 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. (văn bản ủy quyền ngày 19/6/2018).Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Phạm Ngọc Q1 – Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ1. Vắng mặt.

2. Ông **Đỗ Xuân H;**

Địa chỉ: phường T1, thành phố K1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3. Ông **Đỗ Anh D;**

Địa chỉ: 489 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4. Ông **Đỗ Xuân O**

Địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

5. Ông **Đỗ Xuân Đ**

Địa chỉ: xã H2, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

6. Bà **Đỗ Thị Xuân T**

Địa chỉ: phường T2, thành phố K1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

7. Ông **Đỗ Xuân Q**

Địa chỉ: 487 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

8. Ông **Đỗ Xuân N**

Địa chỉ: 413 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

9. Ông **Đỗ Xuân B**

Địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông H, ông O, ông Đ, bà T, ông Q, ông N và ông B: ông **Đỗ Anh D**, địa chỉ: 489 Đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum, văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Xuân K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2018 và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P trình bày:

Vào năm 1990, vợ chồng ông, bà có bán cho bà Nguyễn Thị T3 (là vợ của ông Đỗ Xuân K, hiện nay bà T3 đã chết) 01 lô đất, có giấy sang nhượng đất vườn viết tay lập ngày 26/4/1990 giữa vợ chồng ông và bà T3 với tổng diện tích là 140 m^2, có chiều ngang mặt đường quốc lộ 14 là 04 m, chiều dài là 35m tọa lạc tại số 413, Đường H1, thị trấn Đ1, tỉnh Kon Tum.

Hiện tại vợ chồng ông là chủ sở hữu hợp pháp quyền sử dụng đất số CK 475639, số vào sổ cấp GCN CS05355, có diện tích 230,4m^2 thuộc thửa đất số 521, tờ bản số 11, tọa lạc tại số 407 đường H1, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum được Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/9/2017. Ngày 25/9/2017, khi gia đình ông tiến hành xây dựng mái vòm trên thửa đất số 521 thì gia đình ông K lại ra giành đất và cho rằng gia đình ông đặt mái vòm lấn sang đất nhà ông K, là phần đất trống phía sau nhà ông K hiện tại ông K đặt bồn nước sử dụng trên phần đất đó. Hai bên gia đình xảy ra tranh chấp, sau đó, vợ chồng ông đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Đ1 giải quyết tranh chấp đất giữa vợ chồng ông và gia đình ông K. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1 đã xem xét, đo đạc thực tế và xác định đất của vợ chồng ông sử dụng đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 475639, thửa đất 521, số vào sổ cấp GCN CS 05355, ngày 12/9/2017 mà Sở TNMT tỉnh Kon Tum đã cấp, diện tích đất đối với thửa đất số 521 của vợ chồng ông được cấp là 230,4 m^2, nhưng hiện tại đo đạc thực tế là 205,6 m^2, thiếu khoảng 24 m^2; còn đất của hộ ông K được cấp so với giấy chuyển nhượng đất vườn ngày 26/4/1990 là không đúng, vì vợ chồng chúng ông chỉ bán cho bà T3 (là vợ ông K) diện tích là 140 m^2 nhưng UBND Đ1 lại cấp cho hộ gia đình ông Đỗ Xuân K và bà Nguyễn Thị T3 GCNQSDĐ số Đ491855 ngày 29/6/2004 với diện tích là 160 m^2, việc hòa giải tranh chấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1 không thành nên vợ chồng ông khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông K tháo dỡ bồn nước để trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm nằm trong diện tích 230,4 m^2 đất theo GCNQSDĐ số CK 475639 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 12/9/2017 cho vợ chồng ông, vì diện tích đất hiện tại của vợ chồng ông theo đo đạc thực tế là không đủ 230,4 m^2 theo giấy tờ; không yêu cầu ông K phải xây dịch tường nhà phía sau vào bằng các vách nhà ông Cao Thành X, ông Đặng Ngọc A. Vợ chồng ông chỉ yêu cầu Tòa án chỉ xác định diện tích đất tranh chấp là của ai, không yêu cầu xác định giá trị tài sản tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đỗ Anh D trình bày:

Từ năm 1990 cha mẹ ông đến làm nhà và sinh sống tại thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T3 có mua đất của vợ chồng ông C bà P; giấy mua, bán được thực hiện bằng giấy viết tay giữa hai bên. Từ đó đến

nay, gia đình ông sinh sống ổn định và chấp hành mọi chủ trương, chính sách của chính quyền địa phương về mọi phương diện. Đến ngày 29/6/2004 gia đình ông được chính quyền địa phương hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ491855, tờ bản đồ 11, số thửa 198 và gia đình chúng tôi chỉ sử dụng đúng theo diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và công nhận đồng thời đóng thuế đầy đủ từ 29/6/2004 đến nay đã hơn 13 năm không có bất kỳ tranh chấp tứ cận nào xảy ra. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kon Tum:

Vào năm 2004 trên cơ sở hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Xuân K, cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Đ1, huyện Đ1 đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P vào ngày 26/4/1990. Trên cơ sở hồ sơ, đề nghị của UBND thị trấn và cơ quan chuyên môn, UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đỗ Xuân K và bà Nguyễn Thị T3 với diện tích 160 m^2 đất ở. Tuy nhiên, hiện nay qua nghiên cứu hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Đỗ Xuân K và bà Nguyễn Thị T3 thì số đo các cạnh và diện tích đất trong hồ sơ có sự chênh lệch, không trùng khớp. Ngoài ra, tại công văn phúc đáp số 1426/UBND-TH ngày 03/10/2018 của UBND huyện Đ1 về việc lấy ý kiến của một số hộ dân thì theo chủ trương chung của nhà nước nâng cấp mở rộng QL14 đoạn đường H1 qua thị trấn Đ1, huyện Đ1 cách từ tim đường QL 14 vào là 16,5 m thì các hộ gia đình đều tự giác xây nhà lùi vào cách tim đường QL 14 là 16,5 m. Ủy ban nhân dân huyện Đ1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon tum xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Nguyễn Cao Y - Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ1 trình bày: Theo hồ sơ năm 2004 khi đi xác minh tứ cận đất nhà ông K và bà T3 để cấp GCNQSDĐ thì phía Tây đất hộ ông K không giáp với đất ông C mà giáp thung lũng. Phần đất tranh chấp phía sau trước đây là của ông Trần B1 sử dụng, năm 2017 mới bán lại cho ông C, thời gian dài hộ ông K sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp gì, sau khi bán cho ông C mới xảy ra tranh chấp. Còn đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số Đ491855 đối với hộ ông K và bà T3 của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vì GCNQSDĐ của hộ ông K và bà T3 được cấp trên cơ sở hồ sơ, giấy tờ xác minh, đo đạc đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 74; Điều 85; Điều 86; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 49, 50, 105, 136 Luật đất đai

năm 2003, các Điều 192, 255, 256, 599 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P.

1. Buộc ông Đỗ Xuân K phải trả lại cho vợ chồng ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P 23,7 m^2 đất có tứ cận: phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị Gái tính từ đuôi nhà ông K đến tường rào phía tây có chiều dài 6,19m; phía Nam giáp đất ông Lê Tấn C, tính từ đuôi nhà ông K đến tường rào phía tây có chiều dài 6,4m; phía Đông giáp nhà ông Đỗ Xuân K có chiều rộng 3,9m; phía Tây là tường rào xây giáp đường đất có chiều rộng 4,0 m. Diện tích đất này thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 11, theo GCNQSDĐ số CK 475639 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 12/9/2017, tọa lạc tại 407 đường H1, tổ dân phố 03 B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum (Có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Đỗ Xuân K phải tháo đỡ công trình bồn nước trên đất để trả lại đất cho ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ491855 thuộc tờ bản đồ số 11, thửa 198 cấp ngày 29/6/2004 của UBND huyện Đ1, tỉnh Kon Tum cấp cho hộ ông Đỗ Xuân K.

Ông Đỗ Xuân K có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp lại GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật về Đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 06-12-2018, bị đơn ông Đỗ Xuân K kháng cáo Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đỗ Xuân K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Đối với diện tích 23,7m^2 đang tranh chấp:

[1.1] Diện tích đất tại thửa 198 của hộ ông Đỗ Xuân K, bà Nguyễn Thị T3 là nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C, bà P; nguồn gốc diện tích đất này là vợ chồng ông C nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Quốc Th vào ngày 10/4/1987, có xác nhận của UBND xã H2 kèm theo sơ đồ của thửa đất là: phía Đông giáp Quốc lộ 14 dài 38m; phía Tây giáp bãi lấy đất sỏi dài 38m; phía Bắc dài 35m; phía Nam giáp đường đi C3 Nông trường 731 dài 35m (BL 190). Đến ngày 26/4/1990 ông C chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà Thiêm (vợ ông K), với diện tích 140m^2; có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 14 là 4m, chiều dài là 35m2 (BL04 – là tài liệu do ông C cung cấp), là phù hợp với chiều dài diện tích đất ông C nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc Th. Năm 2004, vợ chồng ông K sử dụng giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã bị sửa chữa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 160m^2 là không đúng với diện tích mà vợ chồng ông Khiêm đã nhận chuyển nhượng từ ông C.

[1.2] Về diện tích đất 23,7m^2 đang tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định diện tích đất này nằm trong diện tích 163m^2 trước đây là thung lũng, thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 11 của ông Trần B1, bà Huỳnh Thị Phú; đến năm 2017 vợ chồng ông B1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông C. Đến ngày 12/9/2017, vợ chồng ông C tiến hành thủ tục nhập thửa diện tích đất của vợ chồng ông và diện tích đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B1 thành thửa đất số 521, tờ bản đồ số 11, diện tích 230,4 m^2.

Theo kết quả đo đạt thực tế tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 7/8/2018 (BL: 77 - 81) thì diện tích đất của vợ chồng ông C thiếu 24,8m^2, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất tranh chấp 23,7m^2 nằm trong thửa đất số 521 của vợ chồng ông C là có căn cứ.

Đối với diện tích đất và chiều dài lô đất của vợ chồng ông K thiếu so với khi nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C; xét thấy: theo Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đối với các hộ dân liền kề gia đình ông C, ông K xác định: Vào khoản năm 2005, 2006 khi thực hiện dự án đường Hồ Chí Minh, Nhà nước vận động hiến đất, nên các hộ lân cận đều thực hiện, nên các hộ đều bị thu hồi từ 5m đến 6m đất phía trước. Do đó việc diện tích đất và chiều sâu lô đất của vợ chồng ông K thiếu so với giấy tờ chuyển nhượng là phù hợp.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đỗ Xuân K phải trả diện tích đất 23,7m^2 cho vợ chồng ông C và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ491855 thuộc tờ bản đồ số 11, thửa 198 cấp ngày 29/6/2004 của UBND huyện Đ1, tỉnh Kon Tum cấp cho hộ ông Đỗ Xuân K là có căn cứ.

[1.3] Về tài sản trên đất: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2018, trên diện tích đất tranh chấp ông K có đặt một chân sắt chứa bồn nước. Do yêu cầu khởi kiện 23,7m^2 của nguyên đơn được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đỗ Xuân K phải tháo đỡ công trình bồn nước trên đất để trả lại đất cho ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P là có căn cứ.

[1.4] Tại phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không định giá tài sản tranh chấp, không tính án phí theo giá ngạch và không đưa các ông Nguyễn Quốc Th, ông Trần B1, bà Huỳnh Thị P1 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy đề nghị của Luật sư là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Xuân K; giữ y án sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đỗ Xuân K không được chấp nhận, nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Xuân K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 49, 50, 105, 136 Luật đất đai năm 2003; các Điều 192, 255, 256, 599 của Bộ luật dân sự năm 2005; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P.

[1.1] Buộc ông Đỗ Xuân K phải trả lại cho vợ chồng ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P diện tích đất 23,7 m^2 đất có tứ cận: phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị G tính từ đuôi nhà ông K đến tường rào phía tây có chiều dài 6,19m; phía Nam giáp đất ông Lê Tấn C, tính từ đuôi nhà ông K đến tường rào phía tây có chiều dài 6,4m; phía Đông giáp nhà ông Đỗ Xuân K có chiều rộng 3,9m; phía Tây là tường rào xây giáp đường đất có chiều rộng 4,0 m. Diện tích đất này thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 11, theo GCNQSDĐ số CK 475639 do Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 12/9/2017, tọa lạc tại 407 đường H1, tổ dân phố 03 B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum (Có sơ đồ kèm theo).

[1.2] Buộc ông Đỗ Xuân K phải tháo dỡ công trình bồn nước trên diện tích đất 23,7m^2 để trả lại đất cho ông Lê Tấn C và bà Lê Thị P.

[1.3] Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ491855 thuộc tờ bản đồ số 11, thửa 198, ngày 29/6/2004 của UBND huyện Đ1, tỉnh Kon Tum cấp cho hộ ông Đỗ Xuân K.

Ông Đỗ Xuân K có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp lại GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật về Đất đai.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Xuân K phải

chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000522 ngày 11/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

[3] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 29/22/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào